

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 04-4-2018
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH GIA, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thế Anh

2. Bà Dương Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Cao Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tỉnh Gia, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 04/4/2018, tại hội trường xét xử TAND huyện Tỉnh Gia xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2018/TLST-HNGĐ ngày 16/3/2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/3/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C - Sinh năm: 1968

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị S - Sinh năm: 1968

Đều có địa chỉ: Thôn 11, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt anh C, vắng mặt chị S. Chị S có đơn xin xét xử vắng mặt chị tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về hôn nhân:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15/3/2018, bản tự khai ngày 19/3/2018 cũng như tại phiên tòa anh Nguyễn Văn C trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị S tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng kể từ năm 1988 (có đăng ký kết hôn, nhưng đăng ký kết hôn đã bị mất). Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống nên trong cuộc sống thường xuyên xảy ra va chạm. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Kể từ cuối năm 2001 cho đến nay, vợ chồng ly thân nhau. Trong suốt

thời gian sống ly thân, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh làm đơn xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị S.

- Tại bản tự khai ngày 19/3/2018, chị Nguyễn Thị S trình bày:

Về thời gian và việc chung sống với nhau như vợ chồng như anh C khai là đúng. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống nên trong cuộc sống thường xuyên xảy ra va chạm. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Kể từ cuối năm 2001 cho đến nay, vợ chồng ly thân nhau. Trong suốt thời gian sống ly thân, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay anh C khởi kiện ly hôn, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đồng ý ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Hai bên đương sự thống nhất có 01 con chung là: Nguyễn Thị H - Sinh ngày 27/9/1988. Hiện cháu H đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản: Hai bên đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị S là vợ chồng.

- Về con chung và tài sản: Hai bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- Án phí: Anh C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, anh Nguyễn Văn C có mặt tại phiên tòa và giữ nguyên quan điểm của mình theo đơn khởi kiện. Chị Nguyễn Thị S vắng mặt tại phiên tòa nhưng chị có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về hôn nhân:

Xác định quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị S là hôn nhân bất hợp pháp. Bởi lẽ, theo như lời khai của anh chị thì anh chị tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 (có đăng ký kết hôn nhưng đăng ký kết hôn đã bị mất). Nhưng tại Biên bản xác minh ngày 20/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia tại UBND xã H, ông Nguyễn Đức C1 - Cán bộ Tư pháp xã H cho biết: Hiện nay hồ sơ lưu trữ của UBND xã H không thể hiện anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị S có đăng ký kết hôn. Do đó cho đến thời điểm xét xử, không có tài liệu nào chứng minh việc anh C và chị S có đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống cả hai đều thừa nhận do bất đồng quan điểm sống nên trong cuộc sống thường xuyên xảy ra va chạm. Mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả. Từ năm 2001 đến nay, anh chị sống ly thân nhau, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Nay cả anh C và chị S đều xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Từ những căn cứ trên, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 9 Luật HNGĐ và khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của luật hôn nhân và gia đình, không công nhận anh C và chị S là vợ chồng.

[3] Về con chung: Hai bên đương sự thống nhất có 01 con chung là: Nguyễn Thị H - Sinh ngày: 27/9/1988. Hiện cháu H đã trưởng thành nên thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[4] Về tài sản: Hai bên đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5] Về án phí: Trong vụ án này, anh C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Dành quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số

01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị S là vợ chồng.

- Về con chung: Hai bên đương sự thống nhất có 01 con chung là: Nguyễn Thị H - Sinh ngày 27/9/1988. Hiện cháu H đã trưởng thành nên thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết

- Về tài sản: Hai bên đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0002492 ngày 16/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia; anh C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh C, vắng mặt chị S tại phiên tòa. Tuyên bố anh C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- Chi cục THADS huyện Tĩnh Gia;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hạnh